Báo cáo tuần

09.11.2026

Đánh giá các thay đổi sau kỳ bầu cử giữa kỳ của Mỹ

CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Nguyễn Thị Bảo Trân tran.ntb@miraeasset.com.vn
Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

Thế giới: Kết quả bầu cử giữa kỳ kích hoạt đợt điều chỉnh của nhóm AI; giá dầu và lợi suất UST hạ nhiệt

Việc Đảng Dân chủ kiểm soát cả hai viện khiến thị trường lo ngại về khả năng siết chặt quy định cho trung tâm dữ liệu, kéo chỉ số bán dẫn SOX giảm 12% WoW. Ngược lại, việc giảm kỳ vọng cho hoạt động mở rộng tài khóa tại Mỹ và triển vọng hạ nhiệt căng thẳng Mỹ – Iran giúp giá dầu WTI và Brent giảm lần lượt 12,8% và 16,4% WoW (dù rủi ro hàng hải tại vùng Vịnh vẫn hiện hữu). Lợi suất UST 10Y giảm 7bps WoW xuống 4,86% (hạ nhiệt đáng kể từ mức đỉnh 5,3% của tháng 10). Thị trường cũng điều chỉnh kỳ vọng lãi suất Fed cuối năm 2027 giảm 11bps WoW xuống 4,3%, tương đương 1-2 lần tăng nữa.

Việt Nam: Chính phủ ưu tiên kiểm soát lạm phát, NHNN hỗ trợ thanh khoản kỳ hạn dài (6 tháng)

Việc giảm giá điện 2% từ 1/11 và thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng 0% từ 1/11 đến hết tháng 3/2027 ước kéo CPI tháng 11 giảm khoảng 0,5 %p MoM, giảm CPI bình quân năm 0,08%p, theo ước tính của Bộ Tài chính. Tại phiên họp Chính phủ ngày 4/11, Thủ tướng nhấn mạnh ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, đồng thời chỉ đạo NHNN tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay (lãi suất cho vay mới cuối tháng 10 đã giảm 0,2–0,5 điểm %). Để hỗ trợ các TCTD ổn định nguồn vốn và thanh khoản dịp cuối năm, NHNN triển khai hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 182 ngày (tối đa 2 tỷ USD) cho các TCTD có trái phiếu quốc tế hoặc khoản vay trung – dài hạn nước ngoài có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên.

Thị trường chứng khoán chịu áp lực chính từ nhóm bất động sản và ngân hàng; Dòng tiền tập trung vào nhóm chứng khoán

VN-Index giảm 0,9% WoW về 1.725,36 điểm, chịu áp lực chính từ nhóm bất động sản và ngân hàng. Thanh khoản hồi phục lên hơn 14 nghìn tỷ đồng/phiên (+20% WoW), nhưng tâm lý vẫn thận trọng. Dịch vụ tài chính nổi bật với vốn hóa tăng 5% và thanh khoản tăng 108% WoW; nguyên vật liệu và xây dựng cơ bản duy trì thanh khoản cao. Ngược lại, dầu khí và CNTT cùng giảm 4% WoW, theo diễn biến giá dầu và nhóm công nghệ toàn cầu.

Tổng kết mùa kết quả kinh doanh: Mức đóng góp tăng trưởng đáng kể của nhóm 4 doanh nghiệp Vingroup vào mức tăng trưởng chung của thị trường (quý 3: hơn 55%; lũy kế 4 quý gần nhất từ quý 4/2025 đến quý 3/2026: hơn 41%). Cụ thể, quý 3, NPATMI của nhóm DN Vingroup tăng đến 648% YoY; nếu loại trừ, mức tăng trưởng tổng lợi nhuận các DNNY trên sàn HOSE chỉ tăng 23% thay vì 52% YoY.

Chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng trong ngắn hạn trước các rủi ro bên ngoài, mặc dù định giá hấp dẫn hơn đang mở ra cơ hội tích lũy cho tầm nhìn trung và dài hạn

Vĩ mô: **Chúng tôi cho rằng Chính phủ đang ưu tiên sử dụng công cụ tài khóa và điều hành giá để hỗ trợ tăng trưởng (báo cáo chi tiết)**. Giá dầu thế giới hạ nhiệt, đi kèm với chính sách giảm giá điện và thuế tiêu thụ đặc biệt xăng từ 1/11 có thể giúp CPI trong ngắn hạn đạt mục tiêu đề ra. **Tuy nhiên, áp lực lãi suất trong nước hiện tại vẫn còn cao do**: 1) Chu kỳ thắt chặt toàn cầu chưa tạo đỉnh (RBA tăng lên 4,85% ngày 3/11; BoE nâng lên 4,0% ngày 5/11; thị trường vẫn định giá Fed tăng thêm 1-2 lần nữa); 2) Đà giảm của giá dầu chưa bền vững khi đàm phán với Iran chưa có kết quả; và 3) Áp lực huy động vốn nội địa cuối năm lớn.

TTCK: **Với E/P của VN-Index đạt 8,7%—tiệm cận vùng đáy lịch sử 8–9% của các năm 2016, 2020, 2022 và 2025—trong khi lãi suất huy động 12 tháng cao nhất hạ về quanh 7%, tương quan định giá cổ phiếu đang mở ra cơ hội tích lũy cho tầm nhìn trung và dài hạn. Dù vậy, trong ngắn hạn, chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng** trước: 1) Rủi ro bên ngoài từ kết luận điều tra Section 301 về sở hữu trí tuệ (29/11), biến động giá dầu và lộ trình Fed, tâm lý e ngại rủi ro sau đợt bán tháo cổ phiếu công nghệ; và 2) Áp lực lạm phát và huy động vốn cuối năm, sức mua thực trong nước còn yếu.

VUI LÒNG XEM CHỨNG NHẬN CỦA CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH VÀ CÁC CÔNG BỐ, TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM TẠI PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO.

Tiêu điểm tuần

Chủ đề 1. Kết quả bầu cử giữa kỳ kích hoạt đợt điều chỉnh của nhóm AI; giá dầu và lợi suất UST hạ nhiệt

	Đánh giá tác động đối với Việt Nam
Xu hướng dịch chuyển dòng tiền	**Biến số trọng yếu cần theo dõi trong các quý tới**: Bức tranh cho hoạt động đầu tư vào cơ sở hạ tầng AI sau khi Đảng dân chủ kiểm soát cả hai đảng là đề tài bàn luận. Một số cho rằng nếu chính sách siết chặt các quy định trung tâm dữ liệu tại Mỹ làm thay đổi làn sóng đầu tư vào cơ sở hạ tầng AI, dòng vốn toàn cầu có thể dịch chuyển sang các nhóm ngành truyền thống và thị trường định giá thấp. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh công nghệ với Trung Quốc khiến Mỹ khó có thể dừng cuộc đua hạ tầng AI. Bên cạnh đó, chính quyền mới tại Mỹ chưa chính thức nhậm chức và các tập đoàn công nghệ chưa điều chỉnh kế hoạch Capex 2027, chúng tôi cho rằng hiện còn sớm để khẳng định đợt điều chỉnh của SOX tuần vừa rồi sẽ thúc đẩy dòng vốn dịch chuyển sang các ngành truyền thống/thị trường mới nổi.
Giá dầu	**Cần theo dõi**: Giá dầu thế giới giảm giúp giảm áp lực lạm phát; tuy nhiên, đà giảm của giá dầu chưa bền vững khi đàm phán với Iran chưa có kết quả. Thị trường vẫn kỳ vọng Fed thắt chặt do lạm phát cao; nếu đầu tư AI và giá dầu hạ nhiệt, tốc độ tăng lãi suất có thể chậm lại.
Lợi suất UST giảm	**Tích cực:** Lợi suất UST 10 năm đã hạ nhiệt từ mức đỉnh 5,3% tháng 10 xuống 4,86%, nếu duy trì xu hướng giảm có thể tạo dư địa để NHNN sử dụng các công cụ hỗ trợ thanh khoản và ổn định nguồn vốn cho các TCTD mà không cần cắt giảm lãi suất điều hành.
Chính sách thuế quan	**Rủi ro:** Xuất khẩu và thu hút FDI của Việt Nam có thể chịu tác động từ kết luận Section 301 về sở hữu trí tuệ (29/11) và khả năng tái khởi động điều tra dư thừa công suất.

Chủ đề 2. Tổng kết mùa kết quả kinh doanh: Mức đóng góp tăng trưởng đáng kể của nhóm 4 doanh nghiệp Vingroup vào mức tăng trưởng chung của thị trường (quý 3: hơn 55%; lũy kế 4 quý gần nhất từ quý 4/2025 đến quý 3/2026: hơn 41%).

Phân ngành GICS	**Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (% YoY)**								
	1Q25	**2Q25**	**3Q25**	**4Q25**	**1Q26**	**2Q26**	**3Q26**	**2025**	**Lũy kế 4 quý**
Tất cả	**10%**	**31%**	**23%**	**42%**	**50%**	**45%**	**52%**	**28%**	**33,6%**
4 doanh nghiệp Vingroup	***-10%***	***-9%***	***-56%***	***138%***	***229%***	***323%***	***648%***	***21%***	***151%***
Loại trừ nhóm Vingroup	***13%***	***35%***	***35%***	***29%***	***32%***	***28%***	***23%***	***29%***	***20%***
Bất động sản	2%	141%	-51%	178%	188%	219%	447%	47%	119%
Ngân hàng	14%	16%	22%	12%	12%	24%	20%	16%	14%
Tiêu dùng thiết yếu	2%	17%	12%	25%	56%	27%	28%	17%	25%
Dịch vụ tài chính	7%	30%	170%	101%	22%	36%	-50%	75%	-9%
Nguyên vật liệu	17%	28%	59%	5%	104%	44%	65%	27%	53%
Tiện ích	72%	83%	12%	102%	41%	53%	81%	62%	43%
Tiêu dùng không thiết yếu	21%	109%	59%	50%	65%	-15%	44%	85%	10%
Vận tải	-11%	82%	-2%	-8%	27%	-52%	-19%	11%	-11%
Xây dựng cơ bản	11%	14%	220%	-4%	15%	17%	-41%	46%	-10%
Dầu khí	-63%	12%	622%	342%	727%	300%	391%	79%	235%
CNTT	22%	20%	19%	18%	14%	14%	11%	20%	9%
Bảo hiểm	17%	34%	56%	5%	6%	35%	1%	27%	10%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro, cập nhật ngày 6/11/2026.

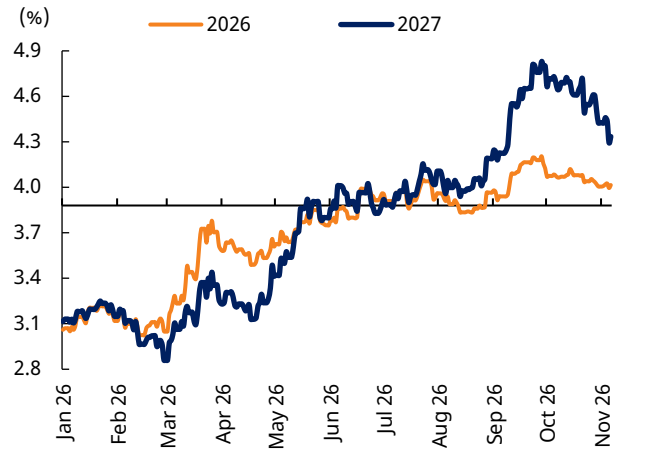
Các chỉ số vĩ mô chính

CHỈ TIÊU		THAY ĐỔI	TÍN HIỆU	GHI CHÚ
CHÍNH SÁCH & THANH KHOẢN				
Lãi suất tái cấp vốn	**4,5%**	Không đổi	Trung tính	
Lãi suất OMO (repo)	**4,5%**	Không đổi	Trung tính	Hút ròng 4 nghìn tỷ đồng trong tuần; dư nợ OMO giảm còn 119,2 nghìn tỷ đồng
Qua đêm – 6T (5/11)	**4,5% / 6,4%**	–128bps / –162bps WTD	Theo dõi	Lãi suất qua đêm dao động 3,8–5,8%; Kỳ hạn 6T giảm
HUY ĐỘNG & CHO VAY				
Huy động 12T, Big 4 / Cao nhất	**5,4% / 7%**	–50bps sv. T9	Giảm	Lãi suất niêm yết các NHTM lần lượt giảm sau cuộc họp với Thống đốc NHNN (19/10)
Huy động 12T, bình quân (6/11)	**5,5%**	–43bps sv. T9	Giảm	Gần ngưỡng theo dõi từ 5,5% trở xuống
Dư nợ tín dụng (31/10; triệu tỷ đồng)	**20,88**	+12,27% YTD	Theo dõi	Tín dụng bất động sản tăng 9,84% YTD; lãi suất huy động tăng nhanh hơn lãi suất cho vay; chênh lệch tín dụng - huy động đã thu hẹp dần từ T8
TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ				
Lợi suất TPCP 1 năm / 10 năm	**3,54% / 4,47%**	+62bps / +43bps YTD	Theo dõi	Lợi suất thực âm (1 năm: –1,5%; 10 năm: –0,6%) hạn chế dư địa giảm lãi suất danh nghĩa
LẠM PHÁT & TĂNG TRƯỞNG				
CPI so cùng kỳ (T10; YoY)	**5,09%**	1bps sv. T9	Cao hơn LS điều hành	Tăng chủ yếu do giá nhiên liệu
CPI bình quân 10T	**4,57%**	> mục tiêu 4,5%	Cao hơn mục tiêu 0,07%p	Việc giảm giá điện 2% từ 1/11 và thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng 0% từ 1/11 đến hết tháng 3/2027 ước kéo giảm CPI bình quân năm 0,08%p, theo Bộ Tài chính
GDP quý III/2026	**+9,95%**	Quý II: 8,81% Quý I: 8,15%	Mạnh	Tăng trưởng tăng tốc rõ rệt
Xuất/nhập khẩu (10T; tỷ USD)	**499,24 / 511,31**	+27,5% YoY	Theo dõi	T10 xuất siêu 7,31 tỷ USD giúp thu hẹp mức nhập siêu lũy kế từ đầu năm xuống 12,07 tỷ USD
FDI thực hiện (10T; tỷ USD)	**24,08**	+13,1% YoY	Tích cực	Tổng vốn đăng ký 54,85 tỷ USD (+74% YoY)
PMI sản xuất (T10)	**52,3**	+0,4 điểm MoM	Mở rộng	Đơn hàng mới tăng chậm lại; chi phí đầu vào tăng nhanh nhất từ T6
Đầu tư công (10T; nghìn tỷ đồng)	**708,6**	74,1% kế hoạch	Theo dõi	Cao hơn cùng kỳ 217,5 nghìn tỷ (+44,3% YoY). Còn hơn 200 nghìn tỷ đồng cần giải ngân đến hết 1/2027
TỶ GIÁ & QUỐC TẾ				
USD/VND (VCB / tự do)	**25.810 / 26.130**	–0,7% / –0,3% WoW	Hạ nhiệt	Tỷ giá trung tâm 25.615 (–0,09% WoW)
DXY	**102,28**	+0,4% WoW	USD mạnh	Tăng 4% YTD; duy trì trên mốc 100
Kỳ vọng thị trường về lãi suất Fed cuối 2027	**4,3%**	–11bps WoW	Hạ nhiệt	Đã giảm 50bps so với đỉnh cuối tháng 9
UST 10 năm	**4,86%**	–7bps WoW	Hạ nhiệt	Đã giảm từ mức đỉnh 5,3% tháng 10
Giá dầu WTI / Brent (USD/thùng)	**90,8 / 98,3**	–12,8% / –16,4% WoW	Hạ nhiệt	Đà giảm của giá dầu chưa bền vững khi đàm phán với Iran chưa có kết quả

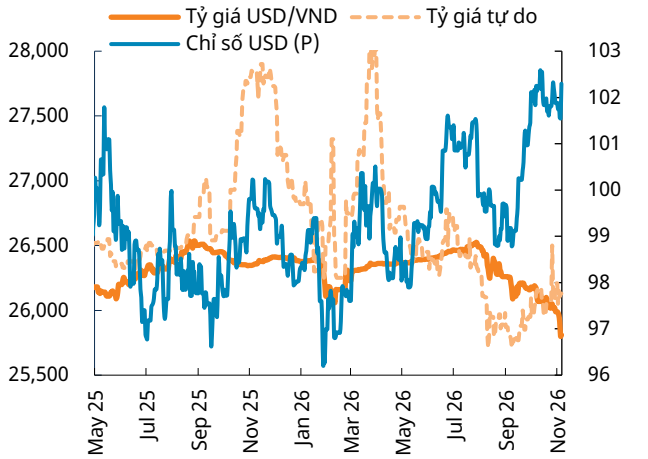
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg, FiinPro, cập nhật ngày 7/11/2026

Các biểu đồ chính

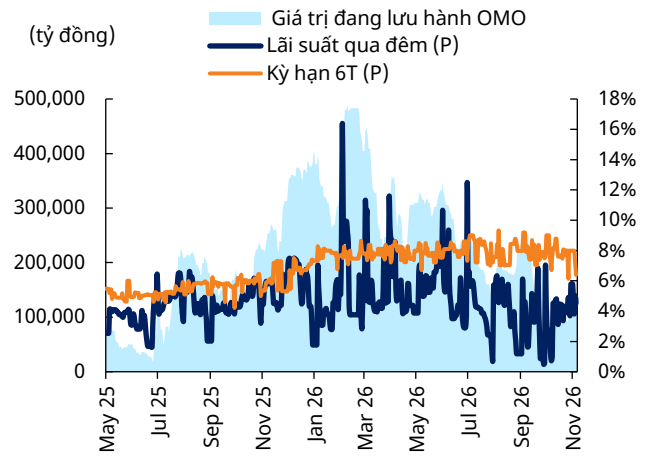
Hình 1. Thị trường định giá lãi suất Fed cuối 2026–2027



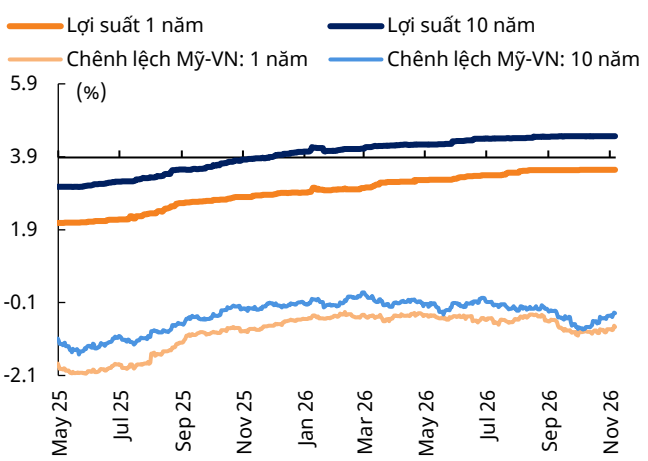
Hình 2. Chỉ số USD và tỷ giá USD/VND



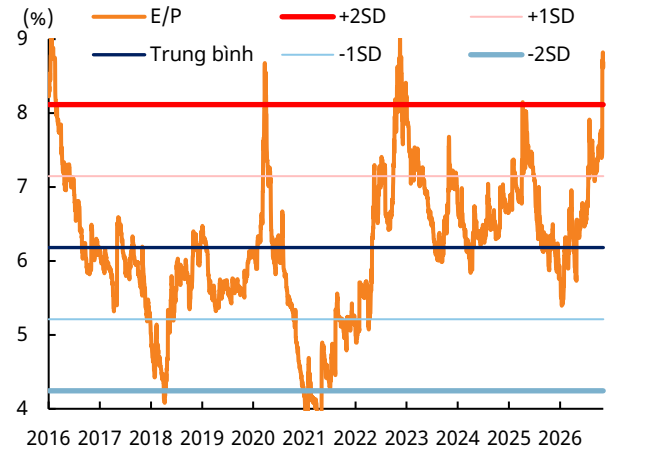
Hình 3. Thị trường liên ngân hàng Việt Nam



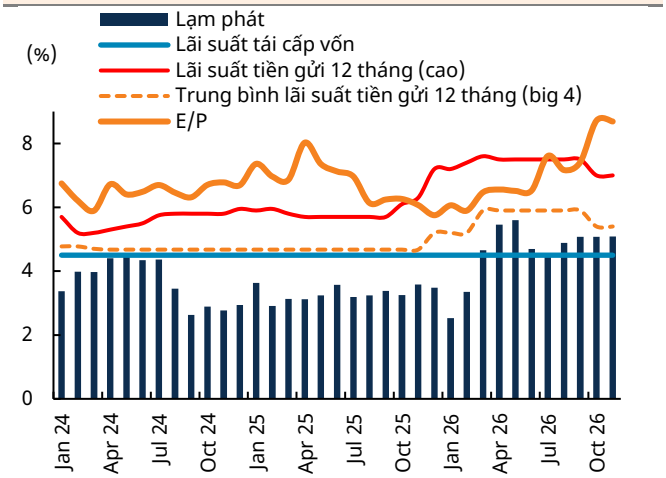
Hình 4. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam



Hình 5. Thống kê mức E/P từ 2016 đến nay



Hình 6. Chênh lệch giữa E/P và lãi suất tiền gửi



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg, FiinPro, cập nhật ngày 7/11/2026

Thị trường chứng khoán: Diễn biến theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	8.405	100%	-1%	69%	20%
Bất động sản	2.860	34%	-2%	62%	10%
Ngân hàng	2.484	30%	-1%	62%	19%
Tiêu dùng thiết yếu	584	7%	0%	54%	15%
Dịch vụ tài chính	469	6%	5%	92%	108%
Nguyên vật liệu	421	5%	-2%	85%	28%
Tiện ích	316	4%	-3%	15%	-17%
Tiêu dùng không thiết yếu	282	3%	-1%	23%	-6%
Vận tải	279	3%	2%	62%	-8%
Xây dựng cơ bản	244	3%	0%	85%	7%
Dầu khí	206	2%	-4%	8%	-20%
CNTT	102	1%	-4%	92%	3%
Bảo hiểm	59	1%	-6%	54%	9%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro, cập nhật ngày 6/11/2026.
Quy tắc đánh giá thanh khoản: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Trong đó, Tiêu cực (đỏ) biểu thị nhóm 33,33% thấp nhất; Tích cực (xanh) nhóm cao nhất; và Trung lập (vàng) nhóm ở giữa.

Cổ phiếu VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã CP	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Khối ngoại (%)	
			Đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1D	1W	1M	3M	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,404,771**	**1,725.36**	**1,763.84**	**1,704.74**	**-0.9**	**-0.9**	**-1.9**	**-2.2**	**11.5**	**1.9**	**17.0**	**13.1**	**30.5**
VN30 Index		**6,391,229**	**1,846.39**	**1,902.04**	**1,826.59**	**-1.0**	**-0.5**	**-2.8**	**-3.0**	**9.9**	**1.9**	**19.3**	**15.9**	**22.8**
VN100 Index		**7,686,774**	**1,764.30**	**1,793.04**	**1,743.03**	**-0.7**	**0.1**	**-1.5**	**-3.2**	**10.8**	**1.6**	**15.6**	**14.2**	**28.9**
Bất động sản	**VIC**	1,820,233	234,500	238,500	231,900	**-1.5**	**-2.7**	1.1	7.2	41.9	9.4	25.4	3.0	45.0
	VHM	510,141	62,100	70,000	62,000	**-1.9**	**-1.4**	**-10.0**	**-19.5**	5.3	1.8	38.4	6.3	43.7
	VPL	166,598	92,900	92,900	77,100	1.0	3.1	14.8	14.8	47.6	3.7	8.6	6.3	42.7
	VRE	53,968	23,750	24,050	23,050	**-1.9**	**-1.2**	**-0.2**	**-6.1**	7.3	1.1	15.3	11.1	37.9
	BCM	39,382	38,050	38,650	36,500	**-0.1**	**-0.9**	**-0.3**	5.4	19.2	1.8	9.6	0.4	33.6
	NVL	32,988	10,300	10,600	10,100	**-1.4**	**-1.0**	**-1.0**	**-24.3**	3.8	0.5	14.1	3.5	45.5
	KBC	25,380	26,950	27,150	24,150	**-0.7**	3.7	7.8	**-3.1**	14.5	1.0	7.0	6.1	42.9
	VPI	21,475	61,000	61,800	56,400	**-1.1**	6.1	5.9	6.5	70.3	4.0	7.7	10.2	38.9
	KDH	18,640	15,100	15,350	13,273	5.2	8.6	11.9	**-6.7**	12.0	1.0	8.6	22.7	27.4
	SJS	16,123	54,200	56,000	51,000	**-2.5**	**-0.4**	4.4	15.1	10.0	3.3	39.9	0.6	49.5
	DXG	13,949	11,000	11,050	9,300	2.3	8.9	11.0	0.5	121.6	1.0	0.9	15.1	34.9
	TCH	13,545	13,500	13,650	10,500	3.8	13.9	21.6	22.7	17.0	1.1	6.8	2.2	46.8
	SIP	12,130	50,100	50,500	48,100	**-0.8**	3.6	3.9	0.0	8.9	2.3	26.2	9.9	39.1
	TAL	12,071	23,950	24,150	21,850	5.0	13.5	5.0	**-6.6**	13.3	2.2	19.4	9.7	41.3
	PDR	11,724	11,750	11,900	10,750	1.7	4.0	5.4	**-0.4**	21.8	0.9	4.4	6.9	43.1
	NLG	11,135	22,950	23,300	21,400	2.9	4.3	7.0	5.3	18.6	0.9	5.3	35.3	14.7
	DIG	8,780	10,400	10,600	8,710	1.5	8.9	11.8	3.0	14.3	0.9	8.4	2.9	46.1
	HDG	6,552	16,100	16,400	14,300	4.5	7.3	9.9	**-2.7**	8.1	0.9	11.9	15.8	34.2
	KOS	797	3,680	12,750	3,680	**-6.8**	**-9.4**	**-71.1**	**-89.5**	47.7	0.3	1.2	0.5	48.5
Ngân hàng	**VCB**	447,864	53,600	57,400	53,300	**-1.1**	**-4.8**	**-6.5**	**-9.2**	10.8	1.8	17.5	19.8	10.2
	BID	248,515	31,950	34,750	31,800	**-0.9**	**-4.3**	**-7.7**	**-9.9**	7.5	1.3	16.5	17.3	12.7

Ngành	Mã CP	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Khối ngoại (%)	
			Đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1D	1W	1M	3M	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
	CTG	247,377	31,850	31,850	28,900	0.8	5.1	6.9	1.6	5.8	1.2	22.7	20.7	1.8
	TCB	230,126	21,650	21,850	21,300	-1.4	0.2	0.1	11.2	8.0	1.2	16.3	24.5	5.5
	VPB	220,500	22,050	23,200	21,500	0.7	-3.9	-5.0	10.5	7.1	1.2	18.3	22.3	7.8
	MBB	193,823	19,250	19,350	18,850	-1.3	-0.3	0.3	-2.7	5.8	1.2	22.9	22.0	1.2
	HDB	146,404	22,500	22,600	21,038	0.2	0.4	4.3	10.2	7.4	1.6	24.8	10.2	19.8
	STB	131,965	70,000	70,500	67,600	1.2	5.6	3.4	-3.0	28.9	2.1	2.4	19.3	7.8
	ACB	118,120	20,350	21,050	20,200	-1.0	-3.1	-1.2	-8.1	7.3	1.1	16.5	1.4	3.6
	LPB	106,049	35,500	44,850	35,500	-2.6	-1.7	-19.1	-31.7	8.8	2.3	26.9	22.1	7.9
	MSB	61,214	16,350	16,550	13,900	-0.6	3.5	13.5	21.5	10.4	1.4	13.9	0.9	29.2
	SHB	57,445	10,750	11,100	10,500	0.5	0.9	-1.8	-8.9	3.7	0.6	18.8	4.7	25.4
	VIB	52,183	14,000	14,100	13,350	-0.7	1.4	3.7	5.4	6.8	1.1	16.2	6.2	23.8
	SSB	50,746	14,800	17,600	14,750	-2.3	-1.7	-11.9	-2.6	16.1	1.2	7.1	4.1	0.9
	TPB	40,515	12,700	12,800	11,600	-0.8	0.4	7.6	0.7	4.8	0.8	19.0	21.7	8.3
	OCB	32,769	10,700	10,800	9,920	-2.3	0.9	7.1	3.4	7.2	0.9	13.0	18.9	3.1
	EIB	30,176	16,200	16,650	16,100	-1.2	0.6	-1.2	-10.7	157.8	1.1	1.9	0.8	29.1
	NAB	25,941	12,600	13,100	12,350	-0.4	-0.4	-2.3	5.9	5.3	1.0	19.6	1.0	29.0
Dịch vụ tài chính	**TCX**	96,551	29,000	29,200	27,000	0.3	5.5	1.4	-11.7	15.5	2.0	13.8	8.2	91.9
	VCK	69,760	28,650	28,800	26,400	0.5	6.1	2.5	-6.2	10.8	2.2	20.4	3.5	96.5
	SSI	60,982	20,400	20,600	19,000	0.0	5.7	3.3	0.7	13.5	1.6	12.7	29.7	70.3
	VPX	43,875	23,400	23,650	22,750	-0.2	1.7	-0.4	-8.6	7.9	1.2	18.6	3.9	96.1
	VIX	34,347	13,350	13,600	11,450	1.9	11.3	12.2	2.3	15.8	1.0	6.3	34.3	14.7
	HCM	31,791	23,550	23,950	22,600	-1.9	1.5	0.2	-7.5	24.6	2.0	9.4	6.4	93.6
	VCI	23,275	20,200	20,400	18,150	0.7	9.2	4.1	-7.1	15.7	1.4	9.5	14.6	85.4
	VND	22,758	14,950	15,100	13,050	5.3	11.6	7.9	-10.5	10.8	1.0	9.9	7.2	92.8
	EVF	8,899	11,700	11,700	11,250	0.4	-0.8	2.2	-5.3	9.2	0.8	9.5	9.3	90.7
	DSE	8,608	20,100	21,700	19,700	0.2	1.5	-7.2	-8.8	54.5	1.6	3.0	0.2	49.8
	BSI	7,854	29,100	29,500	24,250	0.7	9.4	16.2	4.1	15.0	1.4	9.6	24.7	75.3
	FTS	7,470	19,600	19,800	17,550	0.5	9.5	5.1	-10.3	18.6	1.7	9.2	35.4	64.6

Ngành	Mã CP	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Khối ngoại (%)	
			Đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1D	1W	1M	3M	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
	CTS	6,357	23,350	23,550	19,200	2.4	11.2	15.3	6.9	16.9	2.2	14.0	0.6	48.4
Bảo hiểm	BVH	47,137	63,500	77,400	62,000	-0.5	-8.0	-15.3	1.1	14.2	1.8	13.4	27.4	21.6
Xây dựng cơ bản	GEE	42,017	65,600	72,000	65,100	-3.4	-1.1	-6.7	-3.4	16.2	4.9	32.5	0.7	49.4
	GEX	29,375	22,450	23,350	21,900	-1.1	1.1	-2.2	-8.9	29.5	1.5	5.5	5.8	44.3
	REE	29,339	47,100	47,500	44,850	2.3	3.7	2.4	-0.8	10.7	1.3	12.9	49.0	0.0
	VGC	17,889	39,900	45,150	39,700	-2.1	-5.5	-9.9	6.1	10.0	2.0	20.0	0.8	48.2
	BMP	11,166	136,400	143,100	136,400	-1.1	-0.8	-3.9	-7.6	8.9	3.5	39.6	81.9	18.2
	VCG	10,787	15,450	15,600	13,150	-0.3	4.4	13.2	-1.3	12.6	0.9	7.4	2.1	46.9
	CII	9,273	13,800	14,200	11,350	-0.4	4.5	11.7	0.4	98.1	1.0	1.0	5.4	43.6
	CTR	8,366	65,300	70,700	64,800	-2.7	-3.1	-7.1	-13.9	12.8	3.7	30.9	8.2	41.8
	PC1	7,780	16,450	17,217	16,200	-0.9	2.3	-2.7	-7.7	7.7	1.2	16.4	4.6	35.4
	CTD	7,638	68,300	68,500	57,600	0.0	6.7	16.2	9.8	9.7	0.8	8.5	47.1	2.9
	HHV	5,231	9,560	9,590	8,840	-0.4	2.8	6.5	-4.9	7.7	0.5	6.2	10.2	38.8
Nguyên vật liệu	**HPG**	178,992	21,200	21,400	20,150	-1.4	1.0	3.4	-3.0	6.7	1.2	20.0	21.9	27.1
	GVR	117,200	29,300	33,150	29,300	-2.8	-6.2	-10.7	5.2	13.8	1.9	14.0	0.6	-0.6
	DCM	16,994	32,100	33,700	31,500	-0.9	-3.6	-4.7	4.1	7.4	1.5	21.3	7.3	41.7
	DPM	13,361	19,650	21,850	19,500	0.0	-3.7	-9.2	-8.6	8.8	1.2	14.0	3.1	46.9
	HSG	8,799	10,900	11,000	9,830	-1.4	0.5	9.1	0.9	14.1	0.7	5.4	3.3	45.7
	PHR	7,244	29,700	33,250	29,500	-1.7	-4.2	-9.6	-7.7	6.6	1.5	24.8	10.4	-10.4
	NKG	5,982	12,150	12,400	9,130	-2.8	2.1	28.8	10.5	24.6	0.8	3.2	5.1	44.9
	HT1	4,865	12,750	12,900	12,150	-1.9	-1.2	3.7	-2.3	12.6	0.9	7.7	2.3	-2.3
Vận tải	**VJC**	103,597	134,700	135,900	127,000	-0.9	2.4	4.6	6.9	46.4	3.9	8.7	5.2	24.8
	GMD	34,285	52,800	52,800	51,467	0.4	0.2	1.5	2.7	13.4	2.4	18.9	37.8	11.2
	VTP	9,336	46,000	52,200	45,650	-2.5	0.4	-8.2	-7.8	29.2	4.0	15.5	4.0	45.1
	VSC	4,998	13,350	13,700	12,650	-1.5	1.1	3.1	-10.4	19.6	0.9	4.7	1.8	47.2
Tiêu dùng không thiết yếu	**MWG**	108,759	73,700	76,800	73,500	-1.7	-0.4	-3.0	3.5	11.0	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	25,392	142,000	149,900	138,700	-0.7	-4.5	-2.1	7.5	22.3	5.3	29.7	33.7	15.3
	DGW	8,599	38,500	48,900	38,300	-2.4	-6.0	-19.4	-3.8	9.0	2.6	28.6	25.9	23.1

Ngành	Mã CP	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Khối ngoại (%)	
			Đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1D	1W	1M	3M	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
	PNJ	7,701	15,050	22,350	14,850	-0.7	-2.9	-25.3	-58.7	4.7	0.6	13.4	28.6	20.4
Tiêu dùng thiết yếu	**MCH**	169,701	129,800	141,000	128,000	-2.4	-3.9	-7.9	-5.2	23.2	9.4	42.6	11.1	88.9
	VNM	120,799	57,800	58,400	57,100	0.5	1.6	-1.0	-2.0	11.8	3.5	29.9	49.6	50.4
	MSN	106,607	73,000	73,000	70,200	2.0	4.3	1.4	9.8	11.7	2.6	24.6	25.1	74.9
	SAB	54,637	42,600	43,050	41,900	1.1	0.5	0.1	-2.5	12.2	2.6	21.4	58.8	41.3
	SBT	19,674	21,050	23,100	20,750	-0.2	1.7	-8.1	0.5	28.2	1.6	6.1	23.4	76.7
	HAG	17,237	13,600	14,600	13,600	-2.2	-3.9	-6.5	-3.5	5.2	1.1	26.0	1.7	47.3
	KDC	13,873	50,200	50,700	49,400	-0.2	0.0	-1.0	-2.9	19.7	2.4	9.1	11.6	38.5
	BAF	12,526	30,900	30,900	29,006	0.7	1.0	4.6	4.5	75.1	2.7	2.1	3.1	46.9
	VHC	10,274	49,050	50,700	48,800	-0.7	-2.5	-1.9	-6.7	8.7	1.1	12.7	17.5	82.5
	DBC	6,724	15,600	15,750	15,000	0.0	1.3	2.3	-6.0	6.6	0.8	12.2	1.3	47.8
	ANV	4,620	17,350	17,850	16,700	-1.1	8.4	0.9	0.3	5.3	1.2	24.3	18.8	30.2
	PAN	4,236	16,900	18,900	16,750	-0.6	-0.6	-9.1	-19.3	3.4	0.8	23.2	1.8	47.2
Năng lượng	**BSR**	131,442	26,250	31,100	26,250	-0.9	-4.9	-15.6	4.8	4.7	1.6	39.7	1.5	47.5
	PLX	43,151	33,350	36,350	33,300	-1.0	-1.9	-7.9	-1.0	11.6	1.5	14.3	14.4	5.6
	PVD	15,864	17,100	18,600	17,050	-1.2	-4.7	-8.1	-3.7	21.2	0.9	5.3	8.2	41.8
	PVT	10,623	20,550	24,900	20,450	-0.2	-3.3	-16.1	15.1	6.9	1.1	16.9	16.1	32.9
Tiện ích	**GAS**	178,800	74,100	79,700	74,100	-0.7	-5.0	-6.6	6.2	12.2	2.4	21.3	2.2	46.9
	POW	37,888	12,350	12,750	12,250	-1.2	1.2	-2.4	-7.8	5.4	0.9	18.2	4.0	46.0
	BWE	10,783	42,900	43,000	40,000	-0.2	0.2	7.1	-1.4	9.4	1.4	15.7	2.0	47.0
	NT2	6,391	22,200	22,400	21,450	-1.8	-1.3	1.4	5.2	4.5	1.2	28.9	10.8	38.2
Công nghệ thông tin	**FPT**	95,795	50,800	62,200	50,800	-4.0	-3.6	-15.9	-21.0	9.3	2.2	26.2	26.7	22.3
	CMG	4,099	17,600	21,500	17,500	-2.2	-4.9	-13.7	-29.5	10.4	1.2	12.4	35.5	14.5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/11/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục 1

Important disclosures and disclaimers

Analyst Certification

The research analysts who prepared this report (the "Analysts") are subject to Vietnamese securities regulations. They are neither registered as research analysts in any other jurisdiction nor subject to the laws and regulations thereof. Opinions expressed in this publication about the subject securities and companies accurately reflect the personal views of the Analysts primarily responsible for this report. Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC ("MAS") policy prohibits its Analysts and members of their households from owning securities of any company in the Analyst's area of coverage, and the Analysts do not serve as an officer, director or advisory board member of the subject companies. Except as otherwise specified herein, the Analysts have not received any compensation or any other benefits from the subject companies in the past 12 months and have not been promised the same in connection with this report. No part of the compensation of the Analysts was, is, or will be directly or indirectly related to the specific recommendations or views contained in this report but, like all employees of MAS, the Analysts receive compensation that is determined by overall firm profitability, which includes revenues from, among other business units, the institutional equities, investment banking, proprietary trading and private client division. At the time of publication of this report, the Analysts do not know or have reason to know of any actual, material conflict of interest of the Analyst or MAS except as otherwise stated herein.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC ("MAS"), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees, and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Distribution

United Kingdom: This report is being distributed by Mirae Asset Securities (UK) Ltd. in the United Kingdom only to (i) investment professionals falling within Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (the "Order"), and (ii) high net worth companies and other persons to whom it may lawfully be communicated, falling within Article 49(2)(A) to (E) of the Order (all such persons together being referred to as "Relevant Persons"). This report is directed only at Relevant Persons. Any person who is not a Relevant Person should not act or rely on this report or any of its contents.

United States: Mirae Asset Securities is not a registered broker-dealer in the United States and, therefore, is not subject to U.S. rules regarding the preparation of research reports and the independence of research analysts. This report is distributed in the U.S. by Mirae Asset Securities (USA) Inc., a member of FINRA/SIPC, to "major U.S. institutional investors" in reliance on the exemption from registration provided by Rule 15a-6(b)(4) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934, as amended. All U.S. persons that receive this document by their acceptance hereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Mirae Asset Securities or its affiliates. Any U.S. recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Mirae Asset Securities (USA) Inc. Mirae Asset Securities (USA) Inc. accepts responsibility for the contents of this report in the U.S., subject to the terms hereof, to the extent that it is delivered to a U.S. person other than a major U.S. institutional investor. Under no circumstances should any recipient of this research report effect any transaction to buy or sell securities or related financial instruments through Mirae Asset Securities. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. persons absent registration or an applicable exemption from the registration requirements.

Hong Kong: This document has been approved for distribution in Hong Kong by Mirae Asset Securities (HK) Ltd., which is regulated by the Hong Kong Securities and Futures Commission. The contents of this report have not been reviewed by any regulatory authority in Hong Kong. This report is for distribution only to professional investors within the meaning of Part I of Schedule 1 to the Securities and Futures Ordinance of Hong Kong (Cap. 571, Laws of Hong Kong) and any rules made thereunder and may not be redistributed in whole or in part in Hong Kong to any person.

All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Mirae Asset Securities or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Mirae Asset Securities and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.